**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TIẾNG VIỆT**

**BÀI ĐỌC 4: HỘI XUÂN VÙNG CAO**

Thời gian thực hiện: ***Thứ Ba ngày 21 tháng 01 năm 2024***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

-Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ HS dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng ngữ pháp, ngữ nghĩa; thể hiện bài thơ bằng giọng đọc phù hợp. Tốc độ đọc 95 .- 100 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh hơn học kì I. Hiểu nghĩa của các từ ngữ được chú giải trong bài. Trả lời được các CH về nội dung của các đoạn thơ, toàn bài thơ. Hiểu được nội dung chính của bài: Bài thơ nói về lễ hội xuống đồng .- lễ hội truyền thống của đồng bào một số dân tộc miền núi phía Bắc nước ta. Qua đó, thể hiện tình cảm yêu mến, trân trọng bản sắc và truyền thống văn hoá của các dân tộc trên đất nước Việt Nam. Cảm nhận được không khí tươi vui, hân hoan của ngày hội; thêm tự hào về nét đẹp văn hoá dân tộc. Bày tỏ được sự yêu thích với một số từ ngữ hay, hình ảnh đẹp trong bài thơ.

-Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm), NL tự chủ và tự học (trả lời đúng các CH đọc hiểu).

-Bồi dưỡng PC yêu nước (yêu mến, trân trọng bản sắc và truyền thống văn hoá của các dân tộc trên đất nước ta).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1.GV**: máy tính, ti vi, tranh minh hoạ nội dung bài đọc.

**2.HS**: SGK *Tiếng Việt 5*, tập hai; vở ô li hoặc vở bài tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1.Hoạt động Mở đầu: (5’)** |  |
| **-** GV cho HS chơi truyền điện, nối tiếp nhau kể tên một số lễ hội ở đất nước ta mà em biết.- GV nhận xét, tổng kết trò chơi, chiếu tranh minh hoạ hoặc clip về lễ hội Lồng Tồng cho HS xem và yêu cầu HS nêu nhận xét.- GV giới thiệu bài: Việt Nam có rất nhiều lễ hội truyền thống được diễn ra quanh năm, mang nhiều nét văn hoá đặc trưng của địa phương và các dân tộc. Ngày hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu một lễ hội vô cùng độc đáo qua bài thơ *Hội xuân vùng cao*. | * - HS chơi trò chơi

 - HS lắng nghe và quan sảt tranh và video  * - HS lắng nghe
 |
| **2.Hoạt động hình thành kiến** **thức (17’)** |  |
| **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng**- GV đọc mẫu bài thơ với giọng vui tươi, phấn khởi. GV kết hợp giải nghĩa từ ngữ khó *(Hội Lồng Tồng, Điệu then, đàn tính, Còn, Sán Chỉ, …*). Chú ý nghỉ hơi cuối dòng thơ hợp lí để các dòng thơ liền mạch về nghĩa không bị ngắt quãng; nhấn giọng, gây ấn tượng ở những từ ngữ quan trọng..- Tổ chức cho HS luyện đọc:+ Chia nhóm 5, lần lượt mỗi học sinh đọc 1 khổ trong nhóm.+ HS lần lượt đọc nối tiếp các khổ trong bài, giọng đọc phù hợp với nội dung câu chuyện:+ Cho học sinh luyện đọc một số từ khó.+ Cho một số nhóm đọc trước lớp.- Gv nhận xét, tuyên dương nhóm đọc hay.- 1 HS đọc toàn bài. **Hoạt động 2: Đọc hiểu**- GV mời 4 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ ràng 4 câu hỏi:- GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm đôi theo các câu hỏi tìm hiểu bài. HS trả lời câu hỏi bằng trò chơi Phóng viên nhí.- GV yêu cầu HS thực hiện trò chơi:+ Gọi đại diện 1 HS lên chia sẻ trò chơi, HS sẽ hỏi và các bạn dưới lớp trả lời.*(1) Bài thơ nói về ngày hội xuống đồng của những dân tộc nào?* *(2) Tìm những hình ảnh đẹp và âm thanh rộn ràng trong ngày hội.**(3) Qua các hình ảnh và âm thanh nói trên, bạn có cảm nghĩ gì về không khí của hội xuân vùng cao?*- GV có thể bổ sung: Tháng Giêng âm lịch về, mang theo hơi ấm của mùa xuân, thổi bừng sức sống trên khắp vùng cao, mang đến vẻ đẹp sống động của núi rừng và niềm vui phơi phới trong lòng mỗi người. Hoà chung với cảnh sắc, con người cũng chuẩn bị cho mình những bộ trang phục đẹp nhất để du xuân. Với người dân vùng cao, lễ hội đầu xuân không chỉ là thời gian bà con được nghỉ ngơi, vui chơi, mà còn là thời khắc quan trọng để bà con cầu mong cho một năm mưa thuận gió hoà, mùa màng tươi tốt. Hội xuân càng thêm vui tươi, rộn rã với những điệu hát then, hát lượn, … và những trò chơi dân gian đặc sắc như tung còn, đẩy gậy, kéo co, chơi đu, … *(4) Bạn hiểu khổ thơ cuối bài như thế nào?*  - GV nhận xét, tổng kết trò chơi.- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Theo em nội dung bài đọc nói lên điều gì?- GV mời 2 - 3 HS trả lời. HS khác nhận xét, nêu ý kiến (nếu có).- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi và động viên HS các nhóm. | - HS lắng nghe GV đọc mẫu, đọc thầm theo. - HS cùng GV giải nghĩa từ khó.*- Hội Lồng Tồng( Tiếng Tày .- Nùng) các em được xem hình ảnh và video phần khởi động.**- Điệu then:* một điệu hát dân gian của đồng bào các dân tộc Tày, Nùng. *- Đàn tính*: một loại đàn dây của đồng bào các dân tộc Tày, Nùng. *- Còn:* quả cầu bằng vải có nhiều dải màu, dùng để tung, ném làm trò chơi trong ngày hội của một số dân tộc miền núi. *- Sán Chỉ*: một nhánh của dân tộc Sán Chay, sống chủ yếu ở vùng núi và trung du phía Bắc nước ta.- Một số nhóm đọc to trước lớp theo yêu cầu của giáo viên. Các nhóm còn lại nhận xét bạn đọc.- Học sinh phát hiện những từ khó đọc, thực hành luyện đọc từ khó.- HS đọc theo nhóm, dưới lớp lắng nghe, nhận xét, chia sẻ cách đọc cho nhau. - HS lắng nghe bạn đọc - HS đọc nối tiếp 4 câu hỏi theo yêu cầu của GV.*(1) Bài thơ nói về ngày hội xuống đồng của những dân tộc nào?* *(2) Tìm những hình ảnh đẹp và âm thanh rộn ràng trong ngày hội.**(3) Qua các hình ảnh và âm thanh nói trên, em có cảm nghĩ gì về không khí của hội xuân vùng cao?**(4) Em hiểu khổ thơ cuối bài như thế nào?*  *(1)*Bài thơ nói về ngày hội xuống đồng của các dân tộc Tày, Nùng, Dao, Sán Chỉ .- ngày hội thể hiện những sắc thái văn hoá đặc trưng của một số dân tộc anh em.*(2)* Hình ảnh đẹp và âm thanh rộn ràng trong ngày hội là:+ Mọi người mặc những bộ trang phục đẹp nhất, náo nức, vui mừng đi trẩy hội.+ Trên cánh đồng, nghi thức cúng tế trời đất được thực hiện với mâm cỗ đủ đầy cùng tiếng trống chiêng vang khắp, thể hiện khát vọng của người dân cầu cho mưa thuận gió hoà, mùa màng bội thu.+ Sau lễ tế trời đất, mọi người bắt tay vào lao động: các anh đi những đường cày đầu tiên, còn các chị thì trổ tài thi cấy.+ Hoà vào không khí lao động, đồng bào còn đàn hát, vui chơi: Âm thanh của đàn tính cùng điệu hát then, hát lượn mừng xuân và các trò chơi như tung còn, đẩy gậy, kéo co, chơi đu,... khiến ngày hội càng thêm rộn ràng.*(3)* HS nói theo suy nghĩ cá nhân. VD: Cảnh sắc rất đẹp. / Không khí hội xuân rất vui, rất náo nhiệt, rất rộn ràng. /...* HS lắng nghe

 *(4)* HS nói theo suy nghĩ cá nhân. VD: Khổ thơ cuối cho thấy ngày hội rất vui / người dân vùng cao luôn mong chờ ngày hội. / sự mừng vui rộn ràng của người dân vùng cao mỗi khi ngày hội đến. /…- Bài thơ nói về lễ hội xuống đồng - lễ hội truyền thống của đồng bào một số dân tộc miền núi phía Bắc nước ta. Qua đó, thể hiện tình cảm yêu mến, trân trọng bản sắc và truyền thống văn hoá của các dân tộc trên đất nước Việt Nam. |
| **3.Hoạt động luyện tập, thực hành (8’)** |  |
| **Hoạt động 3: Đọc diễn cảm bài đọc**- GV mời một số HS đọc diễn cảm nối tiếp từng đoạn thơ. - Có thể tổ chức trò chơi để tăng tính hấp dẫn của phần Đọc nâng cao. VD: đánh số 5 khổ thơ, 1 HS đọc một khổ thơ và truyền điện để chỉ định bạn tiếp theo đọc.- Gv nhận xét, tổng kết trò chơi.- Chú ý hướng dẫn HS nghỉ hơi đúng ở các dòng thơ, nhấn giọng từ ngữ quan trọng và thể hiện tình cảm, cảm xúc phù hợp khi đọc. VD: Người Nùng, / người Dao, / Sán Chỉ / Cùng **hân hoan** / hội xuống đồng / Kéo co, / chơi đu, / hát lượn / **Hò reo** / ấm cả nắng hồng. // Gió thơm / **rộn ràng** về bản /  Ngỡ **vui** / như tuổi lên mười /  Cái bụng / hẹn năm sau đến /  Đúng mùa / hoa núi **bừng tươi.** |  . - HS đọc diễn cảm nối tiếp theo đừng đoạn thơ.- HS chơi trò chơi. * HS lắng nghe, nhận xét.
 |
| **4.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (5’)** |  |
| - GV nêu câu hỏi: Qua bài đọc hôm nay em có cảm nhận gì về các lễ hội mùa xuân ở vùng cao?- GV nhận xét, khích lệ HS.- Dặn dò: GV nhắc HS về nhà đọc thuộc lòng 4 khổ thơ đầu và chia sẻ cho người thân nghe về bài đọc. | * HS suy nghĩ và trình bày trong 1 phút.
* HS lắng nghe và thực hiện
 |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)**

................................................................................................................................................

................................................................................................................................................

................................................................................................................................................